

# NHẬN THỨC LỊCH SỬ- QUAN ĐIỂM CỦA CÁC HỌC GIẢ CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM

Ths. Trần Phương Hoa  
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Bài viết này trình bày một số hiểu biết về nhận thức lịch sử qua quan điểm của sử học châu Âu (chủ yếu thông qua cuốn sách của Guy Bourde - Herve Martin *Các trường phái sử học*) và sử học Việt Nam. Nội dung của bài viết đề cập đến một số khái niệm như: lịch sử, nhận thức lịch sử, phân biệt giữa lịch sử và nhận thức lịch sử.

## I. Lịch sử là gì?

Lịch sử là những sự kiện đã từng xảy ra trong quá khứ. Tuy nhiên phần lớn mọi người không tận mắt chứng kiến các sự kiện ấy mà biết được về chúng qua con mắt của các nhà sử học. Như vậy thuật ngữ lịch sử trước hết để chỉ hiện thực lịch sử như nó vốn có, tồn tại bên ngoài và độc lập với ý thức con người, đồng thời nó chỉ nhận thức lịch sử, là sự phản ánh thực tại lịch sử qua cái nhìn của các nhà sử học được thể hiện qua các ghi chép lịch sử, nghiên cứu lịch sử. Từ đó lịch sử cũng còn có nghĩa là “sử học”, “khoa học lịch sử”. Như vậy “lịch sử” bao hàm ba nội dung: 1) Là quá trình lịch sử khách quan của xã hội loài người trước đây hoặc lịch sử của những sự vật hiện tượng đã từng xảy ra trong quá khứ, tức là lịch sử của sự tồn tại khách quan với tư cách là đối tượng của những người nghiên cứu và học tập lịch sử; 2) Là nhận thức của con người qua tác phẩm lịch sử thể hiện kết

quả của sự nhận thức lịch sử, tức là lịch sử của chủ thể trong quá trình lịch sử khách quan; 3) Chỉ môn khoa học lịch sử mà theo quan điểm macxit thì chính là môn khoa học nghiên cứu các hiện tượng lịch sử đã xảy ra trong xã hội loài người và phát hiện ra quy luật phát sinh, phát triển của nó. Trong thực tế cả ba nội dung trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Không có “*hiện tượng lịch sử*” thì cũng không có “*nhận thức lịch sử*”, không có nhận thức lịch sử thì không tạo ra được các “*nghiên cứu lịch sử*” để có thể đưa lịch sử đến với công chúng. Như vậy khi nói đến lịch sử chúng ta phải đề cập đến hiện thực lịch sử như là một đối tượng, nói đến nhận thức lịch sử thông qua chủ thể nghiên cứu là nhà sử học, nhận thức này mang tính cụ thể, nó phản ánh quan điểm lịch sử và phương pháp tiếp cận hiện thực lịch sử của nhà sử học.

Về quan điểm lịch sử, cũng tương tự trong triết học, các nhà sử học chia thành trường phái duy tâm và duy vật, trong đó các nhà duy tâm cho rằng con người không thể nhận thức được hiện thực lịch sử, còn các nhà duy vật tin rằng con người hoàn toàn có thể nhận thức được hiện thực lịch sử. Về phương pháp tiếp cận có sự phát triển không ngừng, chủ yếu trong việc sử dụng các nguồn sử liệu và trình bày lịch sử, từ sử dụng phương pháp

quan sát, qua lời kể của người khác để tạo ra các “nghiên cứu lịch sử” dưới dạng tả thực, kể chuyện, truyện ngụ ngôn, thơ... cho tới việc sử dụng ngày càng phong phú các nguồn sử liệu, các phương tiện, công nghệ hiện đại trong điều tra nghiên cứu và sự đa dạng trong cách thức trình bày công trình nghiên cứu sử học.

## II. Nhận thức lịch sử

Phần lớn chúng ta nhận thức lịch sử qua mắt nhìn của các nhà sử học. Nhà sử học đóng vai trò quan trọng trong việc kể lại, trình bày, lý giải, phân tích các sự kiện lịch sử trên cơ sở các nguồn sử liệu để tái tạo lại lịch sử và đưa lịch sử đó đến với người đọc. Nhà sử học chính là cầu nối giữa hiện thực lịch sử và công chúng. Vậy thì vấn đề đặt ra ở đây là lịch sử mà công chúng được tiếp nhận liệu có phải là hiện thực lịch sử hay không qua cách nhìn của nhà sử học. Hay nói cách khác, nhà sử học có tiếp cận được chân lý lịch sử hay chỉ phản ánh hiện thực lịch sử một cách méo mó, theo nhận thức chủ quan của mình. Chính vì sự khó khăn khi tiếp cận với chân lý, người ta đã phải sử dụng đến nhiều phương pháp khác nhau, nhiều quan điểm khác nhau, như cách tiếp cận triết học, văn học, văn hoá học, xã hội học.. Bởi vì nhà sử học muốn tiếp cận chân lý, họ đã phải dựa trên các quan điểm về nhận thức thế giới (triết học), về nhân sinh quan (văn học, văn hoá học), về xã hội (dân tộc học, xã hội học). Hiện nay, xu hướng đa ngành trong nghiên cứu lịch sử ngày càng thể hiện rõ, chủ yếu nhằm tiệm cận ngày càng gần với chân lý lịch sử, thể hiện được mọi khía cạnh của thực tiễn lịch sử. Và vì thực tiễn lịch sử là một quá trình mở nên quá trình nhận thức lịch sử luôn

luôn phát triển và hướng tới sự hoàn thiện (cũng chính là hướng tới chân lý lịch sử).

### 2.1. Nhận thức lịch sử thời cổ đại

Herodote được coi là ông tổ của lịch sử cổ đại phương Tây. Ông sinh vào khoảng năm 480 TCN tại Tiểu Á, nơi mà người Hy Lạp tràn sang sinh sống, tạo ra những thị quốc độc lập nhưng vẫn chịu ảnh hưởng của lối sống và mô hình quản lý nhà nước kiểu Hy Lạp. Bản thân ông có nguồn gốc Hy Lạp, cái nôi của các khoa học thời bấy giờ, tuy nhiên ông là một nô lệ, do đó có thể thấy những ghi chép của ông phần nào mang tính khách quan do chúng không bị thúc đẩy bởi bất cứ một động cơ chính trị hay là đòi hỏi của bất cứ một quyền lực nào, mà chỉ do xuất phát từ nhu cầu nội tâm của chính người ghi lại. Ông sống giữa hai cuộc chiến tranh, chiến tranh Medie và chiến tranh Peloponese. Trong khi biên soạn cuốn “Lịch sử” hay “Điều tra”, ông theo đuổi mục tiêu “... muốn mọi người không quên đi những gì con người ta đã làm nên, ngợi ca những hoạt động vĩ đại và kỳ diệu của người Hy Lạp và những người đã man (là những người khác không thuộc Hy Lạp), và đặc biệt là muốn phát triển những duyên cớ dẫn họ đến chiến tranh”<sup>1</sup>. Cách viết sử của ông chủ yếu là các câu chuyện kể mang tính “lan man”, nặng về khảo tả, do đó nhiều người coi các ghi chép của ông mang những biến thái dân tộc học về các phong tục tập quán. Trong các ghi chép của mình, Herodote không dừng lại ở các sự kiện lịch sử mà ông còn kể chuyện lữ lạt ở sông Nil, thậm chí còn cố gắng giải thích

<sup>1</sup> Guy Bourde-Herve Martin. *Các trường phái sử học*. H.: Viện Sử học Việt Nam, 2001, tr.13.

bằng cách sử dụng đến khoa học Hy Lạp dựa vào chuyển động của mặt trời. Vậy là ông phân nào đã quan sát và rút ra được quy luật vận động của tự nhiên. Ngoài ra ông còn quan tâm đến các yếu tố khác như địa lý khi phân tích đặc điểm đất đai của các vùng nơi ông đặt chân tới và so sánh chúng với nhau. Đặc biệt ông sử dụng khái niệm định lượng trong ghi chép khi ghi lại những đo đạc tỉ mỉ về chiều dài, chiều rộng, khoảng cách giữa các địa điểm. Không có gì thoát ra khỏi trí minh mẫn của ông, từ cách thức nghi lễ đến các điều bắt buộc về trang phục, về quy chế kinh tế. Ông rất có ý thức về các nguồn sử học đa dạng, chẳng hạn ông lui tới những địa điểm “thực địa” để kiểm chứng lại các câu chuyện kể trước đó, thu nhặt các mẫu văn khoa học (chủ yếu qua lời kể hoặc ghi chép của các thầy tu). Tuy nhiên vì phải cần đến phiên dịch nên Herodote chỉ tiến hành được các điều tra hết sức hạn chế. Sống trong một thế giới “có nền văn hoá thành văn hạn hẹp” nên ông không tin vào tính cần thiết kể cả tính ưu việt của chữ viết. Một trong những phương tiện chủ yếu để ông ghi lại lịch sử là quan sát và qua lời kể của các nhân chứng. Điều này dẫn tới yếu tố chủ quan trong thái độ của ông đối với sự kiện lịch sử, chẳng hạn cái nhìn sơ lược của ông về chính trị khi ông mô tả hình ảnh kẻ bạo chúa luôn luôn thái quá, thường xuyên vi phạm mọi luật lệ xã hội và đạo lý. Nhiều người coi ông chỉ là người kể chuyện ngụ ngôn, “một kẻ nói dối” chỉ quan tâm đến sự thích thú của người đọc. Hình như cũng đoán trước được thái độ của người đọc, ông đã cảnh báo trước rằng ông không buộc ai phải tin vào câu chuyện của ông. “*Nhiệm vụ của tôi là làm cho mọi người*

*biết được điều tự nó nói lên, nhưng tôi không bị buộc phải tin vào điều đó. Và điều này có giá trị với toàn bộ môn lịch sử của tôi*”<sup>2</sup>.

Sử học thời cổ đại được bắt đầu bằng các ghi chép, tiêu biểu như của Herodote, được nâng cao hơn trong việc phân loại sự kiện và nguyên nhân qua lịch sử của Thucydide và Aristotle thời cổ Hy Lạp và phân tích có phê phán các nguồn sử liệu qua cách viết sử và nhìn nhận lịch sử của Polybe (208-126 TCN) và sử Biên niên của Tacite (55-120 sau CN) với việc các sự kiện được ghi lại có tính hệ thống và trình tự hơn trong thời cổ La Mã.

Lịch sử thời kỳ cổ đại của Việt Nam gọi là huyền sử, do không có những cứ liệu lịch sử bằng văn hoặc các dấu tích còn lại. “*Các nhà chép sử đời trước cũng theo tục truyền mà chép lại chứ không có di tích gì mà khảo cứu cho đích xác. Tuy vậy, soạn giả cũng cứ theo sử cũ mà chép lại, rồi cũng phê bình một đôi câu để tỏ cho độc giả biết rằng những chuyện ấy không nên cho là xác thực*”<sup>3</sup>

## 2.2. Nhận thức lịch sử thời Trung đại

Lịch sử thời Trung đại (Trung cổ) ở phương Tây gắn liền với lịch sử nhà thờ Cơ đốc giáo. Có thể nói đây là thời kỳ tri trệ của mọi khoa học và sử học cũng không phải một ngoại lệ dưới ảnh hưởng khắc nghiệt của nhà thờ. Mặc dù có rất nhiều công trình sử học ra đời, nhưng vắng bóng những tác phẩm còn được đánh giá cao cho đến bây giờ. “Không thể có chân dung điển hình cho các nhà sử học biên niên thế kỷ XI-XV”- đó là nhận

<sup>2</sup> sđd, tr. 19.

<sup>3</sup> Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr.7.

định của Guy Bourde và Herve Martin<sup>4</sup> dựa vào những yếu tố sau: 1) Các nhà sử học phần lớn là các tu sĩ, do đó “họ ưa thích những câu chuyện nêu gương, những điều bổ trợ cho các bài thuyết giáo của họ hơn là thể loại lịch sử giản đơn và chân thực”<sup>5</sup>; 2) Các nhà sử học là người của cung đình hoặc người của công sở, nói như Guy Bourde và Herve Martin là những “nhà sử học được bao cấp”, do đó trong việc biên soạn lịch sử của họ có bóng dáng của nhà vua “người đã thúc đẩy, xác định quan điểm, thực hiện việc lựa chọn và giúp đỡ trong công việc thực thi”<sup>6</sup>. Những yếu tố đó đã dẫn đến những nhược điểm sau của sử học thời kỳ này: 1) Sử học thiếu tính xác thực. “*Cái gì được chính quyền chấp thuận và bảo đảm thì cái đó có tính chất xác thực. Nói cách khác, một điều sai mà có bảo đảm vững chắc thì cũng có thể đạt quy chế là tài liệu xác thực*” (tr.95); 2) Do khoa học chưa phát triển nên các nhà sử học chưa nắm vững thời gian và niên biểu giản đơn, chẳng hạn dù dựa vào Kinh Thánh nhưng các nhà sử học vẫn có bất đồng về niên đại sáng tạo ra Adam và Eva, người thì cho là năm 5228 trước Thiên chúa, người lại cho là năm 3952 (tr.95); 3) Khái niệm về không gian sai. Các nhà sử học cho rằng trái đất có hình phẳng hay một thế giới vuông; 4) Những con số mà phần lớn các nhà biên niên sử đưa ra trước thế kỷ XIV vẫn hoàn toàn có tính tưởng tượng, chẳng hạn số lượng các chiến binh, tàu thuyền...; 5) Các nhà sử học Trung cổ ít tỏ ra quan tâm nghiên cứu nguyên nhân các sự kiện mà thường hay phó

thác vào Chúa Trời “là người quyết định các thắng trận cho các vương quốc và công quốc”. Về mặt này các nhà sử học Trung cổ còn thua kém sử học thời cổ đại như Aristotle, Polybe, Tacite; 6) Các nhà sử học chịu ảnh hưởng của những người trả tiền cho họ, mà ở đây là các ông hoàng, bà chúa. “*Làm sao mà các nhà sử học có thể dừng được việc tán dương các hoàng tử từng nuôi dưỡng họ?*”. Các nhà sử học trở thành những “kẻ nịnh thần”, “*bận bịu lao động tư duy nghiên cứu, thu thập tài liệu, báo cáo... để ngợi ca một người nào đó có ảnh hưởng*” (tr.102)

Ở Việt Nam, thời kỳ từ CN đến thế kỷ X gọi là thời kỳ Bắc sử. Về thời kỳ này, những gì xảy ra trên đất Việt Nam được các nhà sử học chép lại rất sơ lược vì chủ yếu dựa vào sử Tàu. “*Người Tàu lúc ấy cho nước ta là nước biên địa dã man, thường không ai lưu tâm đến cho nên những chuyện chép ở trong sử cũng rất sơ lược*” (Trần Trọng Kim, tr.7)

### 2.3. Bước ngoặt mới trong nhận thức lịch sử ở châu Âu được bắt đầu

Vào thời Phục Hưng, các nhà sử học nhận thức được sự cần thiết phải rũ bỏ chủ nghĩa giáo điều kinh viện cũng như đưa lịch sử thoát khỏi loại thơ ngụ ngôn qua quan điểm tiến tới *tái xác lập các sự kiện xác thực chừng nào hay chừng ấy*. Theo Jean Wolf trong cuốn Hợp tuyển nghệ thuật lịch sử (1579), sau khi đã thiết lập các sự kiện một cách chính xác, phải đặt chúng vào trong một chuỗi các lý do lịch sử và logic. Lịch sử thật sự phải bao gồm: “*điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán và phương thức hình thành dân tộc*”, “*phải đi tới trình bày tất cả*”,

<sup>4</sup> Guy Bourde và Herve Martin. Sdd, tr.87.

<sup>5</sup> Sdd, tr.89.

<sup>6</sup> Sdd, tr.91.

không loại trừ một điều gì mà không lý giải (Guy Bourde và Herve Martin, tr.113). Nhà sử học phải tái định vị các sự kiện và đưa chúng vào quy luật, tìm ra mối quan hệ bản chất của các sự vật hiện tượng. Nhiệm vụ này dường như rất khó khăn nếu không nói là không thể làm được, bởi “mỗi ngày những luật mới, những tập tục mới, những thiết chế và nghi lễ mới được nảy sinh” và việc phản ánh tất cả trong một quy luật là điều không dễ dàng. Lịch sử trở thành một môn khoa học mở, đồng thời thể hiện sự phát triển của các ngành khoa học như thiên văn, địa lý, cũng như các khoa học tự nhiên khác thời kỳ này.

Việt Nam ta bắt đầu có lịch sử của riêng mình vào thời nhà Trần (thế kỷ XIII) và sử học rất được các triều đại phong kiến trọng thị. “*Tuy nhiên lối làm sử của ta chủ yếu theo lối biên niên của Tàu, nghĩa là năm nào tháng nào có sự kiện gì quan trọng thì nhà làm sử chép vào sách, mà chỉ chép vắn tắt chứ không giải thích nguyên nhân. Nhà làm sử lại là người làm quan, vua sai coi việc chép sử, cho nên dẫu thế nào việc chép sử cũng không được tự do, thường có ý thiên vị về nhà vua, thành ra trong sử chỉ cần chép những chuyện quan hệ đến nhà vua, hơn là chuyện liên quan đến sự tiến hoá của nhân dân cả nước. Và xưa nay ta vẫn chịu quyền chuyên chế, cho việc nhà vua là việc nước. Cả nước chỉ cốt ở một họ làm vua, cho nên nhà làm sử cứ theo cái chủ nghĩa ấy mà chép sử, thành ra sử đời nào cũng chỉ có chuyện vua đời ấy, bởi vậy xem sử ta thật là tẻ, mà*

*thường không ích cho sự học vấn là mấy*”. (Trần Trọng Kim, tr.6).

**2.4. Kỷ nguyên ánh sáng đã mở rộng cánh cửa cho một thời kỳ mới trong nghiên cứu sử học: thời kỳ nở rộ của các trào lưu, các trường phái.**

Lịch sử được nhận thức với nhiều quan điểm khác nhau, được soi sáng dưới nhiều luận điểm, tư tưởng đa dạng, phong phú. Đặc biệt lịch sử giai đoạn này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của triết học nên còn gọi là *triết học lịch sử* với quan điểm về lịch sử của các triết gia Immanuel Kant, Hegel, Comte. Lịch sử theo quan điểm của các nhà triết học không hoàn toàn giống với lịch sử của các nhà lịch sử. Trong khi các nhà lịch sử nhìn nhận lịch sử dưới các sự kiện mang đậm tính biên niên thì các nhà triết học lịch sử đem lại một nhận thức tổng quát về lịch sử, vạch ra lối đi cho lịch sử và nhận thức lịch sử. Lịch sử của các nhà triết học ít dựa trên tư liệu lịch sử mà dựa vào suy lý, chẳng hạn Rusô với Luận văn về Nguồn gốc của sự bất bình đẳng là một thứ “lịch sử hư cấu” (Guy Bourde, tr. 129), hay Kant, Hegel hướng tới lịch sử từ bản thể luận với việc coi lịch sử loài người mang tính mục đích, hướng tới một thế giới tuyệt mỹ nào đó “đã được tự nhiên vạch sẵn ra” mà con người cũng chỉ là một thành tố trong đó. “*Người ta có thể đề cập đến lịch sử loài người, một cách tổng thể, như để thực hiện một đồ án ngầm của tự nhiên để tạo ra một thiết chế chính trị hoàn hảo*” (Kant, dẫn theo Guy Bourde, tr. 132). Các nhà triết học lịch sử tránh mọi nhận định

về lịch sử như về các sự kiện riêng lẻ. “Chúng ta phải tìm trong lịch sử mục đích toàn thế giới, mục đích cuối cùng của thế giới chứ không phải một mục đích riêng biệt của tinh thần chủ thể hoặc của tình cảm con người. Chúng ta phải nắm được mục đích đó bằng lý tính bởi vì lý tính không thể tìm thấy lợi ích trong bất cứ một mục đích cuối cùng riêng biệt nào, mà chỉ thấy điều đó trong mục đích tuyệt đối mà thôi” (Hegel, dẫn theo Guy Bourde, tr.137). Xuất phát từ quan điểm lịch sử tiến triển như một “kế hoạch được ấn dấu”, thoát ra khỏi ý thức của loài người, các nhà triết học lịch sử hoàn toàn không muốn chủ định đưa ra những ý kiến chủ quan của mình về diễn biến của các sự kiện lịch sử vì những cuộc chiến tranh khốc liệt và đẫm máu; Sự xuất hiện của các cá nhân vĩ đại trong lịch sử hoàn toàn “không phải là ngẫu nhiên” mà đều do một sự sắp đặt nào đấy trong quá trình tự nhiên tới luyện nên xã hội loài người đi từ “vô thức tới ý thức” (Hegel, dẫn theo Guy Bourde, tr.139).

Cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, học thức uyên bác ở phương Tây đã mở đầu cho việc nghiên cứu lịch sử mang tính hệ thống với việc hình thành các thiết chế như Viện Hàn lâm khoa học, các hội sử học, biên soạn sách, đặc biệt là việc xuất hiện các tạp chí chuyên ngành. Đặc trưng của thứ sử học uyên bác này là: *Thứ nhất*, tôn thờ những tài liệu gốc, những pháp điển, chỉ dụ Hoàng cung, sắc lệnh Giáo hoàng; *Thứ hai*, tạo ra các công cụ tra cứu nhằm phục vụ công tác nghiên cứu như các bộ đại từ điển; *Thứ ba*, sử học hướng tới việc xây dựng một bộ các

niên đại chính xác. Ở giai đoạn này, nguồn sử liệu và tính đáng tin cậy của nguồn sử liệu được coi có tầm quan trọng đặc biệt và trở thành nhân tố ban đầu của phương pháp luận sử học. “*Nên lựa chọn cứ liệu nào? Cứ liệu ấy có giá trị như thế nào? Nó được soi sáng như thế nào?*” (Guy Bourde, tr.178). Việc hoài nghi tính xác thực của các nguồn sử liệu được coi là bước ngoặt quan trọng trong nghiên cứu lịch sử, dẫn tới một đặc trưng quan trọng của sử học uyên bác cổ điển là người ta thường tập trung vào những công trình lịch sử cụ thể nhất định, “không chạy theo những đối tượng mà không gian và thời gian không xác định”, do đó hình thành khuynh hướng nghiên cứu lịch sử một dân tộc hay một vùng nào đó mang tính chuyên khảo, và đây là thời kỳ mà lịch sử bắt rễ trong mảnh đất dân tộc và địa giới làng xã.

Vào giữa thế kỷ XIX, sự xuất hiện của tạp chí nghiên cứu lịch sử ở Pháp và nhiều nước châu Âu, cũng như việc thành lập các Hội Sử học, Hội những Người yêu lịch sử đánh dấu giai đoạn phát triển rầm rộ của khoa học lịch sử, đồng thời cũng mở ra nhiều khuynh hướng, quan điểm tiếp cận lịch sử hết sức đa dạng và phong phú, xuất hiện những nhánh nghiên cứu lịch sử chuyên ngành như lịch sử văn học, nghệ thuật, phong tục tập quán... đặc biệt là lịch sử tôn giáo. Do xuất phát từ châu Âu nên lịch sử thời kỳ này mang nặng tính coi châu Âu là trung tâm, coi nhẹ lịch sử thế giới và lịch sử các dân tộc khác. Đây cũng là thời kỳ phương pháp luận sử học được đưa ra nghiên cứu nhằm hướng tới một phương pháp tiếp cận để đạt tới độ chân xác trong nghiên cứu lịch sử. Bài học đầu tiên

cho những người mới làm công tác nghiên cứu là phải bắt đầu từ các chuyên khảo, “để làm sáng tỏ một điểm đặc biệt nào đó, một phạm vi nói chung nào đó của một sự kiện” (Guy Bourde, tr. 255), và sau đó mới mở rộng nghiên cứu trong sự phối hợp với các nghiên cứu khác để tạo ra những nghiên cứu tổng thể. Trong khi các nhà sử học theo *trường phái Phương pháp* nhấn mạnh tới tính khách quan của nghiên cứu lịch sử, gắn với *chủ nghĩa Thực chứng* của Comte tức là tôn trọng hiện thực khách quan, chỉ tin vào những gì chủ thể được chứng kiến và trải nghiệm, trên thực tế họ lại sa vào chủ nghĩa dân tộc, rao giảng giáo điều “tổ tiên chúng ta là người Goloa” trong sách giáo khoa lịch sử, và không chỉ trong phạm vi nước Pháp.

Một vấn đề được đưa ra để tranh luận và có lẽ chưa bao giờ mất đi tính thời sự của nó là tính khách quan lịch sử. Những người theo chủ nghĩa thực chứng luôn cho rằng tôn trọng tính khách quan là vấn đề được đặt lên hàng đầu. Những nhà sử học thực chứng chủ trương tiếp cận sử học theo phương pháp xã hội học tức là nghiên cứu mọi hoạt động của cư dân với việc đi sâu tìm hiểu chi tiết đời sống, hơn là đề cập đến những sự kiện đặc biệt và những nhân vật nổi tiếng. Trong khi đó các nhà sử học theo *trường phái Biên niên* cho rằng sử học còn phải đảm nhiệm chức năng dự báo chứ không chỉ đơn thuần là phản ánh sự kiện

### **2.5. Nhận thức lịch sử thời kỳ hiện đại**

Thời kỳ hiện đại ghi nhận sự đa dạng trong phương pháp tiếp cận lịch sử, trong đó “nhà sử học đồng thời là nhà kinh tế học, nhà nhân loại học, dân số học, nhà tâm lý

*học, nhà ngôn ngữ, nhà tâm lý... Có thể nói sử học là một trong những nghề ít có tính kết cấu nhất trong khoa học xã hội, do đó là một trong những nghề uyển chuyển nhất, rộng mở nhất”* (Guy Bourde, tr.311).

Một trong những quan điểm được đánh giá cao và gần như chiếm vị trí độc tôn ở Việt Nam hiện nay là Chủ nghĩa Duy vật Lịch sử do Mac khởi xướng. Lý luận về nhận thức của Chủ nghĩa Mac-Lênin cũng như thực tiễn nghiên cứu hoàn toàn xác nhận rằng chúng ta có khả năng hiểu biết được lịch sử. Trong lĩnh vực lịch sử cũng như mọi lĩnh vực khoa học khác, việc nhận thức chân lý bao giờ cũng phải trải qua một quá trình lâu dài và gian khổ. Chân lý lịch sử có nhiều yếu tố tương đối hơn so với khoa học chính xác, việc tìm ra chân lý lịch sử cũng khó khăn phức tạp hơn. Chủ nghĩa duy vật lịch sử chẳng những là cơ sở lý luận duy nhất, mà còn là cơ sở thực tiễn làm cho nhận thức chủ quan của con người phù hợp với tiến trình khách quan của lịch sử. Phương pháp khách quan macxit khẳng định rằng, những hiện tượng lịch sử là khách quan tồn tại ngoài ý muốn của con người, nhưng con người bằng tư duy logic của mình có thể nhận thức được một cách đúng đắn những hiện tượng lịch sử khách quan đó.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử không chỉ dừng lại ở chỗ thừa nhận sự tồn tại khách quan mà còn đi sâu phát hiện những quy luật khách quan trong tiến trình xã hội. Lịch sử là do con người sáng tạo, nhưng không thể coi lịch sử là kết quả ý muốn chủ quan của con người mà còn bị tác động của quy luật khách quan. Angel nhấn mạnh: “*Chính con người sáng tạo ra lịch sử của mình nhưng là sáng*

*tạo trong một hoàn cảnh nhất định mà con người phải thích ứng, và trên cơ sở những quan hệ thực tế đang tồn tại, trong đó quan hệ kinh tế, mặc dù có thể bị những quan hệ khác - những quan hệ về chính trị và tư tưởng - ảnh hưởng đến đâu chăng nữa, xét cho cùng vẫn là những quan hệ nhất định, hình thành sợi dây chỉ đạo xuyên suốt toàn bộ sự phát triển, sợi dây duy nhất làm cho ta hiểu được sự phát triển”* (Angel, dẫn theo Phan Ngọc Liên, tr.48).

Chủ nghĩa Mac-Lênin đưa ra những đặc điểm sau về nhận thức lịch sử:

*Thứ nhất*, sự vận động của lịch sử khách quan xã hội loài người là hoạt động thực tiễn của loài người có ý thức với tính năng động và tính tư tưởng cao. Nhận thức lịch sử đồng nghĩa với nhận thức một đối tượng mang tính động, nhận thức quá trình tiến hoá và phát triển không ngừng.

*Thứ hai*, đối tượng của nhận thức khoa học lịch sử mang tính không lặp lại cả về thời gian và không gian. Bất cứ hoạt động nào của xã hội loài người cũng đều được tiến hành trong thời gian và không gian nhất định, trong thời gian và không gian khác nhau. Không có một sự kiện, hiện tượng lịch sử nào hoàn toàn giống nhau, dù có điểm giống nhau, lặp lại thì vẫn là sự kế thừa và phát triển. Chính do yếu tố đặc thù này của đối tượng nhận thức của khoa học lịch sử, Lênin đã nhấn mạnh: *“Khi phân tích vấn đề của bất cứ xã hội nào, yêu cầu tuyệt đối của lý luận macxit là vấn đề phải được đặt trong phạm vi lịch sử xã hội nhất định”* (Lênin, dẫn theo Phan Ngọc Liên, tr. 53). Đây là một nguyên tắc quan trọng trong việc nhận thức những vấn đề lịch sử xã hội.

Để giải quyết vấn đề mối quan hệ giữa hiện thực lịch sử (đối tượng của nhận thức lịch sử), nhà sử học (chủ thể nhận thức) chủ nghĩa duy vật biện chứng đưa ra vấn đề lịch sử chủ thể hoá và mối quan hệ giữa chủ thể hoá với lịch sử khách thể. Đây chính là một trong những vấn đề phức tạp nhất của phương pháp luận sử học macxit, được đưa ra bàn cãi nhiều nhất trong lý luận sử học. Lênin khẳng định: *“Không một người nào đang sống mà lại có thể không đứng về phía một giai cấp này hay giai cấp nọ mà lại có thể không vui sướng vì thắng lợi của một giai cấp ấy, đau buồn vì những thất bại của nó, tức giận đối với kẻ thù của nó”* (Lênin, dẫn theo Phan Ngọc Liên, tr.59).

*Tóm lại*, nhận thức lịch sử nằm trong mối quan hệ hữu cơ giữa hiện thực lịch sử hay lịch sử khách quan, với chủ thể nhận thức (nhà sử học). Chủ thể nhận thức nhận thức hiện thực lịch sử một cách trực tiếp (nhà sử học được chứng kiến sự kiện hoặc qua trí nhớ, qua các nguồn sử liệu trực tiếp thành văn hoặc không thành văn) và gián tiếp (qua tri thức của người khác, qua các nguồn sử liệu gián tiếp, qua tri thức đã tích lũy). Như vậy con đường đi của lịch sử khách quan dường như không bao giờ thẳng tắp mà chịu khúc xạ của rất nhiều lăng kính khác nhau: những tác động mang tính khách quan (phạm vi thời gian, không gian), chủ quan (nhận thức của cá nhân chủ thể nhận thức mà ở đây là thế giới quan, nhân sinh quan, vấn đề lợi ích...). Thực tế lịch sử đa dạng và phong phú đòi hỏi các nhà sử học không ngừng tìm tòi, khám phá để nhận thức được nó với mục tiêu ngày càng tiệm cận đến chân lý lịch sử.